

Số: 253 /KH-UBND

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2021

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội
giai đoạn 2021-2030**

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVII về nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030;

Căn cứ Chương trình số 08-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội về Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của Nhân dân Thủ đô giai đoạn 2021-2025 và các Chương trình của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố Hà Nội lần thứ XVII;

Xét đề nghị của UBND các huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Mỹ Đức, Chương Mỹ, đề nghị của các sở, ngành liên quan và đề nghị của Ban Dân tộc thành

phố Hà Nội tại Tờ trình số 15/TTr-BDT ngày 23/7/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021- 2030.

UBND thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô toàn diện, bền vững, phát huy được tiềm năng, lợi thế của vùng và tinh thần tự lực của đồng bào dân tộc thiểu số, thu hẹp dần tiến tới không còn khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với vùng nông thôn ngoại thành Hà Nội.

- Tập trung quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, kết nối với vùng đồng bằng và đô thị; phát triển toàn diện kinh tế - xã hội, giáo dục đào tạo, y tế, văn hóa; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số; thực hiện bình đẳng giới; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; tăng cường đồng thuận xã hội; phát huy nội lực, vượt qua khó khăn, thách thức, hòa nhập phát triển cùng Thủ đô và đất nước; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và lòng tin của đồng bào với Đảng, Nhà nước và các cấp ủy, chính quyền các cấp từ Thành phố đến cơ sở.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

* Vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đạt được các mục tiêu sau:

- Thu nhập bình quân đầu người tăng bình quân 20%/năm; đến năm 2025 cơ bản bằng mức thu nhập bình quân khu vực nông thôn ngoại thành của Thành phố;

- Cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Thành phố;

- Tỷ lệ thôn, làng được công nhận và giữ vững danh hiệu Làng văn hóa: 65%;

- Tỷ lệ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu Gia đình văn hóa: 86 - 88%;

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 100% thôn, làng có nhà văn hóa;

- Duy trì 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế;

- Tỷ lệ trường công lập (*Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông*) đạt chuẩn quốc gia: 80 - 85%;

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 75 - 80%;

- Phân đấu đạt tỷ lệ 100% hộ dân được sử dụng nước sạch từ các nguồn và tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nông thôn theo quy định;

- 100% xã (vùng DTTS) đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 40% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao;

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là các dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương.

3. Định hướng mục tiêu đến năm 2030

- Mức sống và thu nhập của nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi ngang bằng với nhân dân các xã vùng ngoại thành Hà Nội; cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Thành phố; giữ vững tỷ lệ 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 60% đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- 100% xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân.

- Hoàn thành các chỉ tiêu trong mục tiêu Quốc gia về phát triển bền vững đến năm 2030.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi

Kế hoạch này được thực hiện ở địa bàn các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội.

2. Đối tượng thụ hưởng

- Xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc thiểu số.

- Hộ gia đình, cá nhân người dân tộc Kinh sinh sống ở các xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Doanh nghiệp, Hợp tác xã, các tổ chức kinh tế - xã hội hoạt động trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Thời gian thực hiện

Từ năm 2021 đến năm 2030, kế hoạch chia ra làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Từ năm 2021 đến năm 2025.

- Giai đoạn 2: Từ năm 2026 đến năm 2030.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Nội dung

Căn cứ vào 10 dự án nêu trong Nghị quyết 88/2019/QH14 của Quốc hội khóa XIV và đặc điểm tình hình vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội, tại Kế hoạch này đề ra 09 nội dung thực hiện để phát triển toàn diện kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2030.

* Trong giai đoạn 2021-2025 cơ cấu nguồn vốn dự kiến cho từng nội dung cụ thể như sau:

1.1. Nội dung 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt. Kinh phí: 144 tỷ đồng;

1.2. Nội dung 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết. Kinh phí: 3,061 tỷ đồng;

1.3. Nội dung 3: Phát triển sản xuất, nông, lâm nghiệp, du lịch, cùng cố phát triển ngành, nghề truyền thống, làng nghề, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng, miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị. Kinh phí: 369,783 tỷ đồng;

1.4. Nội dung 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kinh phí: 1.500 tỷ đồng;

1.5. Nội dung 5: Phát triển giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Kinh phí: 8,324 tỷ đồng;

1.6. Nội dung 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch. Kinh phí: 33,600 tỷ đồng;

1.7. Nội dung 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em. Kinh phí: 32,739 tỷ đồng;

1.8. Nội dung 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. Kinh phí: 9,490 tỷ đồng;

1.9. Nội dung 9: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kinh phí: 43,526 tỷ đồng;

*** Tổng số vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 là: 2.144,523 tỷ đồng.**

Trong đó:

+ Nguồn vốn đầu tư XDCB : 1.647,702 tỷ đồng;

+ Nguồn vốn sự nghiệp : 496,821 tỷ đồng;

(có phụ lục và các biểu mẫu kèm theo)

*** Trong giai đoạn 2026-2030 cơ cấu nguồn vốn cho từng nội dung cụ thể:** Được xác định sau khi tổng kết giai đoạn 1 từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Cơ chế quản lý

Các chương trình, dự án đầu tư được triển khai phải đảm bảo các điều kiện:

- Đúng đối tượng, đúng danh mục đầu tư được phê duyệt trong Kế hoạch.
- Dự án được triển khai lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố Hà Nội; tuân thủ quy định của UBND Thành phố về phân cấp, ủy quyền phê duyệt dự án đầu tư.

- Đối với các chương trình, dự án thuộc thẩm quyền UBND huyện phê duyệt theo phân cấp, UBND các huyện căn cứ mức vốn dự kiến đầu tư cho từng chương trình, dự án tại Kế hoạch này để phê duyệt đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, không dàn trải, không trùng lặp.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tiếp tục quán triệt và triển khai có hiệu quả các Chỉ thị, Nghị quyết, kết luận, quyết định của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc; trọng tâm là Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Nghị quyết số 120/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV gắn với thực hiện Kế hoạch số 201-

KH/TU ngày 11/8/2020 của Ban thường vụ Thành ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới và Nghị quyết Đại hội Thành phố lần thứ XVII nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững cho các xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên đầu tư cho các xã, thôn còn nhiều khó khăn, chưa đạt chuẩn Nông thôn mới; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, không để trùng lặp, chồng chéo với các chương trình, kế hoạch khác.

3. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, công khai minh bạch trong phân bổ vốn kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021 - 2030, góp phần đẩy mạnh CCHC và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân.

4. Phân quyền, phân cấp cho các huyện, các xã trong việc xây dựng, tổ chức thực hiện Kế hoạch phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em. Chủ động bố trí ngân sách địa phương, tích cực huy động nguồn lực xã hội hóa để phát triển; phát huy tinh thần nỗ lực vươn lên của đồng bào dân tộc thiểu số.

5. Tập trung nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội theo quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện kinh tế - xã hội phục vụ đời sống của nhân dân vùng dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô; trọng tâm là các lĩnh vực: Giao thông, thủy lợi, giáo dục và đào tạo, nguồn nhân lực, y tế, văn hóa, du lịch, nước sạch, điện, thông tin truyền thông, các dự án phát triển sản xuất, bảo vệ phát triển rừng, bảo vệ môi trường sinh thái...

6. Việc đầu tư xây dựng đảm bảo theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, xây dựng đồng bộ, tránh đầu tư dàn trải, phát huy hiệu quả vốn đầu tư, đầu tư đúng đối tượng theo mục tiêu được duyệt, hiệu quả, tiết kiệm, tránh lãng phí, thất thoát trong quá trình triển khai thực hiện.

7. Tăng cường nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để phục vụ công tác dự báo, hoạch định, quản lý, thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn Thủ đô.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, chống mọi biểu hiện tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Điều chỉnh, bổ sung chức năng, nhiệm vụ và nâng cao vai trò, hiệu quả hoạt động của Ban Dân tộc Thành phố theo hướng là đầu mối thống nhất theo dõi, tổng hợp các chính sách dân tộc,

đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

9. Cơ bản hoàn thành việc quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí các hộ đang cư trú phân tán rải rác trong rừng đặc dụng, nơi có nguy cơ xảy ra lũ quét, lũ ống, sạt lở. Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào.

10. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch ở các cấp, các ngành. Phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý những hành vi tiêu cực, tham nhũng trong quá trình thực hiện Kế hoạch; làm tốt công tác phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Dân tộc Thành phố

- Là đầu mối thông nhất theo dõi, đôn đốc, tổng hợp các chính sách dân tộc; đề xuất và tham gia thẩm định chính sách, các dự án đầu tư liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội.

- Chủ trì, tổng hợp nhu cầu của UBND các huyện, đề xuất UBND Thành phố về kế hoạch vốn hàng năm và cả giai đoạn đảm bảo thực hiện các dự án thuộc Kế hoạch này chuyển qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính thẩm định, báo cáo UBND Thành phố; theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại các huyện và các sở, ngành báo cáo UBND Thành phố.

- Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện xác định quy mô, tổng mức đầu tư từng nhiệm vụ, chương trình, dự án, trình UBND Thành phố phê duyệt và bố trí vốn theo quy định.

- Cùng với Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ngành địa phương liên quan xây dựng và thực hiện Nội dung 4: *Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện Nội dung 9: *Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để phục vụ công tác dự báo, hoạch định, quản lý thực hiện chính sách dân tộc.

- Phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, đề xuất Thành phố có chính sách đặc thù về tuyển dụng công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số.

- Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố và các sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện Nội dung 8: *Thực hiện công tác bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em.*

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung trong Kế hoạch này, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đã đề ra.

- Hằng năm tiến hành sơ kết, đánh giá các chỉ tiêu trong Kế hoạch, phối hợp với sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Tài chính rà soát, đề xuất, điều chỉnh bổ sung các dự án đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tế, báo cáo UBND Thành phố. Tham mưu UBND Thành phố tổng kết Kế hoạch giai đoạn I vào cuối năm 2025 và trình HĐND Thành phố xem xét quyết định việc thực hiện Kế hoạch giai đoạn II từ năm 2026-2030.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Là cơ quan đầu mối hướng dẫn về quản lý đầu tư và xây dựng; tổng hợp giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết khó khăn, vướng mắc của chủ đầu tư trong quá trình triển khai các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định.

- Thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn cho các dự án chưa có quyết định phê duyệt tại Kế hoạch này và các dự án điều chỉnh làm tăng tổng mức đầu tư để UBND các huyện làm cơ sở phê duyệt dự án theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố và các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất UBND Thành phố trình HĐND Thành phố trong việc phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư hàng năm chi tiết cho từng dự án theo danh mục dự án nêu tại Kế hoạch này (*giao kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn*), đảm bảo đủ nguồn lực đầu tư, đáp ứng nhu cầu đầu tư theo tiến độ của Kế hoạch.

- Cùng với Ban Dân tộc Thành phố chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện Nội dung 4: *Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối của ngân sách, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc và các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu UBND Thành phố bố trí kinh phí chi thường xuyên ngân sách Thành phố để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định hiện hành.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố và các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện các dự án trong danh mục Kế hoạch được giao (*kèm theo*) đảm bảo hiệu quả, đúng quy định hiện hành. Phối hợp thực hiện Nội dung 3: *Phát triển sản xuất, nông, lâm nghiệp, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng, miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị.* Hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan, địa phương thực hiện quy hoạch, sắp xếp, ổn định dân cư.

5. Sở Công thương

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND Thành phố chỉ đạo, thực hiện thúc đẩy tiêu thụ, xúc tiến thương mại, kết nối, quảng bá các sản phẩm của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thông qua các hệ thống kênh phân phối (chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP...) và phát triển chợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố và các sở, ngành liên quan tham mưu UBND Thành phố chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về chính sách an sinh xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động đối với lao động dân tộc thiểu số, thanh niên dân tộc thiểu số, gắn với kế hoạch thực hiện Chương trình số 08-CTr/TU của Thành ủy về “Phát triển hệ thống an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của nhân dân Thủ đô giai đoạn 2021-2025”.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, các sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện Nội dung 5: *Phát triển giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.*

8. Sở Y tế

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố và các sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện Nội dung 7: *Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tâm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.*

9. Sở Văn hóa và Thể thao

Chủ trì, hướng dẫn, phối hợp với Sở Du lịch, Ban Dân tộc Thành phố và các sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện Nội dung 6: *Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.*

10. Sở Du lịch

Chủ trì, hướng dẫn, phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố và các sở, ban, ngành, địa phương liên quan, thực hiện và phối hợp thực hiện nội dung: Phát triển du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

11. Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, hướng dẫn, phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND Thành phố các nhiệm vụ, giải pháp về khai thác, bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường; phối hợp tham mưu giải pháp về quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

12. Sở Tư pháp

Phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố và các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc; hàng năm tổng hợp Kế hoạch và kinh phí của Ban Dân tộc Thành phố về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi vào Kế hoạch tuyên truyền pháp luật chung của Thành phố, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

13. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, hướng dẫn, phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố, các sở, ngành địa phương liên quan tham mưu UBND Thành phố chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ

vụ, giải pháp về phát triển giao thông phục vụ sản xuất và đời sống, thúc đẩy giao thông hàng hóa trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với các địa phương khác.

14. Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc

Căn cứ các nhiệm vụ giải pháp đã được phê duyệt và chức năng nhiệm vụ triển khai thực hiện, hỗ trợ ổn định dân cư ở những nơi cần thiết đối với hộ DTTS và hộ nghèo vùng đồng bào DTTS và miền núi. Phối hợp với đơn vị chủ trì khi có yêu cầu.

15. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố, các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND Thành phố chỉ đạo ứng dụng, chuyển giao khoa học - kỹ thuật, công nghệ cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó chú trọng việc chuyển giao khoa học - kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao trong các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, các vùng sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa gắn trực tiếp với đồng bào dân tộc.

16. Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố, các cơ quan báo, đài Thành phố và các địa phương làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, tạo đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần chủ động, trách nhiệm của các ngành, các cấp, doanh nghiệp và nhân dân để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch đề ra.

17. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Thành phố

Phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố và các Sở, ngành liên quan đổi mới và mở rộng chính sách tín dụng của ngân hàng Chính sách Xã hội theo hướng tăng định mức, mở rộng đối tượng được vay đến các dự án sản xuất, kinh doanh tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số, tham mưu UBND Thành phố. Trên cơ sở đó đề xuất bổ sung nguồn vốn ủy thác cho vay phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 phù hợp với thực tế ngân sách Thành phố và sự phát triển của vùng DTTS Thủ đô.

18. Công an Thành phố và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố và các sở, ngành, địa phương liên quan tham mưu UBND Thành phố chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự và quốc phòng, quân sự địa phương trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi của Thủ đô Hà Nội.

- Phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội địa phương xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, tiếp tục xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân.

19. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Ban Dân tộc Thành phố và các sở, ngành, địa phương liên quan nghiên cứu, đề xuất Thành phố có chính sách đặc thù về tuyển dụng công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số;

- Xây dựng, triển khai kế hoạch, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số.

20. Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố

Chủ trì thực hiện nội dung 8: "*Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em*".

21. Kho bạc Nhà nước Thành phố

- Hướng dẫn, kiểm tra và kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho các địa phương, đơn vị, chủ đầu tư thực hiện giải ngân vốn theo quy định.

- Định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm tổng hợp tình hình giải ngân các dự án gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố theo quy định.

22. Đối với các sở, ban, ngành khác của Thành phố

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để có kế hoạch cụ thể và phối hợp với các đơn vị chủ trì triển khai thực hiện các nội dung trong Kế hoạch này theo chỉ đạo của Trung ương và Thành phố.

23. Các cơ quan Báo, Đài của thành phố Hà Nội

Xây dựng các chuyên trang chuyên mục tuyên truyền về việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Kịp thời nêu những gương điển hình người tốt, việc tốt, các mô hình phát triển kinh tế xã hội tiêu biểu trong đồng bào DTTS ở Thủ đô và những gương điển hình về thực hiện công tác dân tộc, chính sách dân tộc trên địa bàn Hà Nội.

24. UBND các huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Mỹ Đức, Chương Mỹ

- Chịu trách nhiệm trước UBND Thành phố về tính chính xác các thông tin, số liệu liên quan đến các công trình, dự án, số vốn đầu tư đề xuất và thực hiện đúng mục tiêu được duyệt.

- Công khai danh mục chi tiết các công trình, dự án nêu trong Kế hoạch tại cộng đồng dân cư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, đảm bảo tính minh bạch để đồng bào, nhân dân tham gia giám sát. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh danh mục công trình, dự án, các địa phương phải báo cáo UBND Thành phố chấp thuận.

- Triển khai phân giao chi tiết các chỉ tiêu cho từng xã, từng đơn vị và thực hiện Kế hoạch trên địa bàn huyện.

- Thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình, dự án theo quy định.

- Triển khai lập, thẩm định, phê duyệt dự án theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, của Thành phố và các yêu cầu tại Kế hoạch này.

- Tổ chức thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch này đáp ứng yêu cầu tiến độ và chất lượng của Thành phố, khuyến khích các địa phương bố trí nguồn vốn triển khai thực hiện hoàn thành trước tiến độ, đảm bảo đúng quy định.

25. UBND Thành phố trân trọng đề nghị:




- Ban Dân vận Thành ủy, Văn phòng Thành ủy và các Ban Đảng Thành ủy tham mưu cho Ban Thường vụ, Thường trực Thành ủy lãnh đạo các cấp ủy và hệ thống chính trị Thành phố thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc và phối hợp với cấp ủy, chính quyền địa phương trong triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- HĐND Thành phố, các Ban của HĐND Thành phố xem xét phê duyệt kinh phí thực hiện kế hoạch này trong kế hoạch đầu tư công trung hạn của Thành phố giai đoạn 2021-2025, 2026-2030 và kinh phí hàng năm theo đề nghị của UBND Thành phố, đồng thời tăng cường giám sát trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

- Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị xã hội Thành phố chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số và xây dựng, triển khai các chuyên đề, đề án, đề tài liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức trong công tác dân tộc; phối hợp với các cơ quan chức năng theo dõi, giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

Căn cứ nội dung Kế hoạch này, UBND Thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị trực tiếp thực hiện các dự án trong Kế hoạch và UBND các huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Mỹ Đức, Chương Mỹ nghiêm túc triển khai thực hiện. Định kỳ 6 tháng, năm có báo cáo tình hình kết quả thực hiện Kế hoạch và khó khăn, vướng mắc về Ban Dân tộc Thành phố và các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố.

Nơi nhận: ✓

- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Các bộ, ngành liên quan;
- TT Thành ủy, TT HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT, UBND TP;
- Ủy ban MTTQ Thành phố;
- Các Ban thuộc HĐND TP;
- Các sở, ban, ngành TP;
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Kho bạc NN, chi nhánh NHNN, NHCSXH TP;
- Các cơ quan Báo, Đài TP;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Lưu: VT, KT. *AL*

(để b/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Sơn
Lê Hồng Sơn

CS562 - 7

DANH MỤC

Dự án đầu tư xây dựng cơ bản để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn -2021-2025 (đã được UBND Thành phố giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của thành phố Hà Nội tại phụ lục 6, Quyết định số 4681/QĐ-UBND ngày 01/11/2021)

(Kèm theo Kế hoạch số 283/KH-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2021 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Nội dung thiết kế dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			CTHT giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày quyết định	TMBT dự kiến	Tổng cộng	Đã bố trí vốn năm 2021	KHV giai đoạn 2022-2025			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG CỘNG		109					1,709,391	1,500,000	743,000	757,000	109		
I	DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC BỐ TRÍ VỐN NĂM 2021		70	-	-	-	-	948,091	743,000	743,000	-	70		
I.1	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo		3	-	-	-	-	75,848	44,500	44,500	-	3		
1	Trường mầm non Ba Trại B		1	xã Ba Trại	2021-2025		5409/QĐ-UBND 24/9/2020	14,998	13,000	13,000		1	UBND huyện Ba Vì	
2	Trường tiểu học Ba Trại (điểm trường thôn 8)		1	xã Ba Trại	2021-2025		6909/QĐ-UBND 13/11/2020	11,250	10,500	10,500		1	UBND huyện Ba Vì	
3	Xây mới điểm trường mầm non trung tâm xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai		1	Xã Đông Xuân	2021-2025	Xây mới	4732/QĐ-UBND 22/10/2020	49,600	21,000	21,000		1	UBND huyện Quốc Oai	Dự án cắt giảm quy mô
I.2	Lĩnh vực y tế		5					57,390	50,500	50,500		5		
1	Trạm y tế xã Tân Lĩnh		1	Xã Tân Lĩnh	2021-2025	Nhà Khám bệnh 2 tầng + nhà để xe+ nhà bảo vệ +Các công trình phụ trợ khác	5477/QĐ-UBND 28/9/2020	14,174	12,000	12,000		1	UBND huyện Ba Vì	
2	Trạm y tế xã Khánh Thượng		1	Xã Khánh Thượng	2021-2025	Nhà Khám bệnh 2 tầng + nhà để xe+ nhà bảo vệ +Các công trình phụ trợ khác	6905/QĐ-UBND 13/11/2020	11,590	10,000	10,000		1	UBND huyện Ba Vì	
3	Trạm Y tế xã Yên Bái		1	Xã Yên Bái	2021-2025		6907/QĐ-UBND 13/11/2020	8,500	8,000	8,000		1	UBND huyện Ba Vì	
4	Xây dựng mới trạm y tế xã Yên bình		1	Xã Yên Bình	2021-2025	Xây dựng trạm Y tế đạt chuẩn Quốc gia	5679/QĐ-UBND ngày 12/11/2020	8,500	8,000	8,000		1	UBND huyện Thạch Thất	
5	Trạm y tế xã Phú Mãn, huyện Quốc Oai		1	Xã Phú Mãn	2021-2025	Nhà khám bệnh 711,93m, nhà thường trực để xe và các hạng mục phụ trợ	2560/QĐ-UBND 21/8/2014; 9394/QĐ-UBND 27/12/2017	14,626	12,500	12,500		1	UBND huyện Quốc Oai	
I.3	Lĩnh vực Thủy lợi		20					195,642	169,000	169,000		20		

11/11

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			CTHT giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày quyết định	TMBT dự kiến	Tổng cộng	Đã bố trí vốn năm 2021	KHV giai đoạn 2022-2025			
1	Công trình mương, vai thủy lợi nội đồng thôn Gò Đình Muôn xã Khánh Thượng		1	Xã Khánh Thượng	2021-2025	Kiên cố hóa mương vai thủy lợi tổng chiều dài L=7,94km	3363/QĐ-UBND 12/6/2021	11,000	9,000	9,000		1	UBND huyện Ba Vì	
2	Công trình mương, vai thủy lợi nội đồng thôn Đông Sóng xã Khánh Thượng		1	Xã Khánh Thượng	2021-2025	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi tổng chiều dài L=6,22km	3365/QĐ-UBND 12/6/2021	9,000	8,000	8,000		1	UBND huyện Ba Vì	
3	Công trình thủy lợi nội đồng thôn Muồng Châu xã Vân Hòa		1	Xã Vân Hòa	2021-2025	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi tổng chiều dài L=8,21km	3366/QĐ-UBND 12/6/2021	11,000	9,000	9,000		1	UBND huyện Ba Vì	
4	Công trình mương, vai thủy lợi nội đồng thôn Rùa xã Vân Hòa		1	Xã Vân Hòa	2021-2025	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi tổng chiều dài L=6,8km	3367/QĐ-UBND 12/6/2021	9,000	8,000	8,000		1	UBND huyện Ba Vì	
5	Cải tạo nâng cấp hệ thống kênh mương xã Tân Lĩnh		1	Xã Tân Lĩnh	2021-2025	Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi tổng chiều dài L=5,56km	3339/QĐ-UBND 12/6/2021	12,218	10,000	10,000		1	UBND huyện Ba Vì	
6	Cải tạo, nâng cấp hồ Phú Lợi, xã Minh Quang		1	Xã Minh Quang	2021-2025	Cải tạo, NC hồ 1,5ha	6903/QĐ-UBND 13/11/2020	9,000	8,500	8,500		1	UBND huyện Ba Vì	
7	Xây dựng cống, bai mương dẫn nước thoát lũ khu vực nhà văn hóa, trường mầm non xã Tiên Xuân		1	xã Tiên Xuân	2021-2025	XD 01 bai điều tiết và mương dẫn nước BTCT, tổng chiều dài 600m	5758/QĐ-UBND 18/11/2020	5,000	4,500	4,500		1	UBND huyện Thạch Thất	
8	Xử lý cấp bách cống thoát lũ hạ lưu hồ Cổ Đụng xã Tiên Xuân		1	xã Tiên Xuân	2021-2025	Phá dỡ cống cũ, tường, cửa vào cống; thiết kế cống hộp BTCT cống 2 khoang, xử lý sạt lở mang cống kết hợp làm đường giao thông;...	5686/QĐ-UBND 13/11/2020	3,000	2,500	2,500		1	UBND huyện Thạch Thất	
9	Cải tạo, nạo vét và xây đập hồ Chằm Nứa, xã Phú Mãn, huyện Quốc Oai		1	Xã Phú Mãn	2021-2025	Nạo vét lòng hồ tạo bụng hồ chiều sâu khoảng 1m, chiều dài L=400m, với diện tích S=2,51ha	3237/QĐ-UBND 13/10/2014; 9098/QĐ-UBND 09/12/2017	11,952	10,500	10,500		1	UBND huyện Quốc Oai	
10	Cải tạo nạo vét hồ Chằm Khoai, Chằm Mai thôn Đông Bèn xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai		1	Xã Đông Xuân	2021-2025	Hồ Chằm Khoai diện tích 21.000m, hồ Chằm Mai diện tích 25.000m	3245/QĐ-UBND 13/10/2014; 9221/QĐ-UBND 13/12/2017	14,662	12,000	12,000		1	UBND huyện Quốc Oai	
11	Xây dựng đập Vai và hệ thống mương thủy lợi nội đồng thôn Đông Bò xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai		1	Xã Đông Xuân	2021-2025	Kiên cố hóa kênh mương gạch chi VXM M75; L=3,43930km, mương tiêu thoát nước	3160/QĐ-UBND 06/10/2014; 9302/QĐ-UBND 18/12/2017	14,345	12,000	12,000		1	UBND huyện Quốc Oai	

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			CTHT giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày quyết định	TMĐT dự kiến	Tổng cộng	Đã bố trí vốn năm 2021	KHV giai đoạn 2022-2025			
12	Xây dựng hệ thống mương thủy lợi nội đồng thôn Đông Bèn xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai		1	Xã Đông Xuân	2021-2025	Kiên cố hóa kênh mương xây gạch chi; Chiều dài tuyến 3.747,9m, mặt đường bê tông xi măng	3147/QĐ-UBND 02/10/2014; 9037/QĐ-UBND 09/12/2017	12,305	10,500	10,500		1	UBND huyện Quốc Oai	
13	Cải tạo hồ Đồng Âm xã Phú Mãn, huyện Quốc Oai		1	Xã Phú Mãn	2021-2025	Nạo vét lòng hồ tạo bụng hồ chiều sâu khoảng 1m, chiều dài L=595m, với diện tích S=18.733,8m ²	2687/QĐ-UBND 06/9/2014; 9031/QĐ-UBND 01/12/2017	11,215	10,000	10,000		1	UBND huyện Quốc Oai	
14	Xây dựng và cứng hóa hệ thống mương thủy lợi thôn Lập Thành xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai		1	xã Đông Xuân	2021-2025	Kiên cố hóa kênh mương xây gạch chi; Chiều dài tuyến 2.059m, mặt đường bê tông xi măng, kênh tiêu thoát nước	3172/QĐ-UBND 08/10/2014; 9036/QĐ-UBND 04/12/2017	14,580	12,000	12,000		1	UBND huyện Quốc Oai	
15	Kè bờ suối quán Bông thôn Đông Ké, xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021-2025	Tổng chiều dài 534,5 m	2892/QĐ-UBND 25/5/2021	5,572	5,000	5,000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
16	Nạo vét suối vai Cờ và cải tạo nâng cấp kênh tưới trạm bơm Đông Ké		1	Xã Trần Phú	2021-2025	Tổng chiều dài 385m; Cải tạo nâng cấp kênh tưới trạm bơm với chiều dài 465m	3352/QĐ-UBND 18/6/2021	2,683	2,500	2,500		1	UBND huyện Chương Mỹ	
17	Cứng hóa hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021-2025	Tổng chiều dài 3974,76 m gồm 10 tuyến	2891/QĐ-UBND 25/5/2021	7,183	6,500	6,500		1	UBND huyện Chương Mỹ	
18	Xây dựng kênh mương tưới thôn Đông Chiêm, Ái Nàng, Đông Văn xã An Phú.		1	Xã An Phú	2021-2025	Cứng hóa kênh mương Dài 4,5 km.	864/QĐ-UBND 30/5/2014; 3031/QĐ-UBND 31/12/2017	10,985	9,000	9,000		1	UBND Huyện Mỹ Đức	
19	Xây dựng kênh mương tưới thôn Đức Dương, Phú Thanh, Đồi Dừng, Đồi Lý xã An Phú		1	Xã An Phú	2021-2025		1411/QĐ-UBND 24/6/2021	10,859	10,000	10,000		1	UBND Huyện Mỹ Đức	
20	Xây dựng kênh mương tưới thôn Nam Hưng, Thanh Hà, vùng 3 thôn, Rộc Éo, Bơ Mối xã An Phú		1	Xã An Phú	2021-2025		1409/QĐ-UBND 24/6/2021	10,083	9,500	9,500		1	UBND Huyện Mỹ Đức	
L4	Lĩnh vực Giao thông		32					532,871	416,500	416,500		32		
1	Đường trục Vân Hòa đi Tân Lĩnh		1	Xã Vân Hòa	2021-2025	Chiều dài L=4.09km Bm:5m đường BTXM	3343/QĐ-UBND 12/6/2021	38,150	15,000	15,000		1	UBND huyện Ba Vì	
2	Đường nối tỉnh lộ 414 đi Vân Hòa		1	Xã Tân Lĩnh	2021-2025	Chiều dài L=5,2km. Bm: 5-7m (tuyến chính); tuyến nhánh Bm: 3-4m (tuyến nhánh). Mặt đường BTXM	3344/QĐ-UBND 12/6/2021	35,693	14,000	14,000		1	UBND huyện Ba Vì	
3	Đường trục thôn Yên Thành xã Tân Lĩnh		1	Xã Tân Lĩnh	2021-2025	Chiều dài L=1,86km. Bm: 5m (tuyến chính); tuyến nhánh Bm: 3-3,5m (tuyến nhánh). Mặt đường BTXM	3359/QĐ-UBND 12/6/2021	10,171	9,000	9,000		1	UBND huyện Ba Vì	

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			CTHT giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày quyết định	TMDT dự kiến	Tổng cộng	Đã bố trí vốn năm 2021	KHV giai đoạn 2022-2025			
4	Đường giao thông thôn Gò Đình Muôn xã Khánh Thượng		1	Xã Khánh Thượng	2021-2025	Chiều dài L=4,64km. Bm: 3,5-5m. Mặt đường BTXM	3360/QĐ-UBND 12/6/2021	14,988	13,500	13,500		1	UBND huyện Ba Vì	
5	Đường giao thông thôn Đồng Sồng xã Khánh Thượng		1	Xã Khánh Thượng	2021-2025	Chiều dài L=3,29km. Bm: 3,5-5m. Mặt đường BTXM	3361/QĐ-UBND 12/6/2021	12,000	10,500	10,500		1	UBND huyện Ba Vì	
6	Đường GT từ thôn Phú Thứ xã Khánh Thượng đến thôn Đầm Sần xã Minh Quang		1	xã Minh Quang	2021-2025	Tiêu chuẩn đường GTNT	5414/QĐ-UBND 24/9/2020	14,312	13,500	13,500		1	UBND huyện Ba Vì	
7	Đường trục xã Ba Trai		1	xã Ba Trai	2021-2025	Tiêu chuẩn đường GTNT	6892/QĐ-UBND 13/11/2020	14,998	14,000	14,000		1	UBND huyện Ba Vì	
8	Đường GT thôn Sui Quán xã Khánh Thượng		1	xã Khánh Thượng	2021-2025	Chiều dài 3,6Km đường BTXM, mặt đường 3,5-4m	1970/QĐ-UBND; 31/12/2014	14,996	14,000	14,000		1	UBND huyện Ba Vì	
9	Đường GT thôn Ninh, xã Khánh Thượng		1	xã Khánh Thượng	2021-2025	Tiêu chuẩn đường GTNT	5705/QĐ-UBND; 13/10/2020	14,973	14,000	14,000		1	UBND huyện Ba Vì	
10	Đường GT các thôn Quảng Phúc, Chóng, Quýt xã Yên Bái		1	xã Yên Bái	2021-2025	Chiều dài 3.57 km chiều rộng 3,5 m kết cấu bê tông xi măng công rãnh kê đảm bảo an toàn giao thông	6895/QĐ-UBND 13/11/2020	14,373	13,500	13,500		1	UBND huyện Ba Vì	
11	Đường GT các thôn Muối, Bài, Mít Mái xã Yên Bái		1	xã Yên Bái	2021-2025	Tiêu chuẩn đường GTNT	6900/QĐ-UBND 13/11/2020	14,712	14,000	14,000		1	UBND huyện Ba Vì	
12	Đường giao thông các thôn 8,9 xã Ba Trai		1	Xã Ba Trai	2021-2025	Tiêu chuẩn đường GTNT	6901/QĐ-UBND 13/11/2020	14,990	14,000	14,000		1	UBND huyện Ba Vì	
13	Đường GT thôn Dy xã Minh Quang		1	Xã Minh Quang	2021-2025	Tiêu chuẩn đường GTNT	6902/QĐ-UBND 13/11/2020	12,000	11,000	11,000		1	UBND huyện Ba Vì	
14	Đường trục GT các thôn Xuân Thọ, Pheo xã Minh Quang		1	xã Minh Quang	2021-2025	Tiêu chuẩn đường GTNT	6890/QĐ-UBND 13/11/2020	9,218	8,500	8,500		1	UBND huyện Ba Vì	
15	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Yên Trung		1	xã Yên Trung	2021-2025	2 tuyến dài 0,64km; Bn=5,5-9m; Bm=3,5-5,5m; BTXM, kè, cống hộp, rãnh thoát nước, ATGT, ...	5683/QĐ-UBND 12/11/2020	7,500	7,000	7,000		1	UBND huyện Thạch Thất	
16	Đường giao thông, thoát nước từ ĐT446 đi thôn Chùa 2 và thôn Đồng Dầu đi suối: Cao xã Tiến Xuân		1	xã Tiến Xuân	2021-2025	Tổng chiều dài 1,88km; hiện trạng đường rải base; nền đường 4,5-6m; dự kiến đầu tư mặt đường BTXM, Nền mặt đường, hệ thống rãnh thoát nước, cống thoát nước, ...	5682/QĐ-UBND ngày 12/11/2020	9,960	9,000	9,000		1	UBND huyện Thạch Thất	
17	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông kết hợp kênh tưới thôn Đồng Võ, xã Phú Mãn. Huyện Quốc Oai		1	Xã Phú Mãn	2021-2025	Chiều dài tuyến 3.256m, mặt đường bê tông xi măng, kiên cố hóa kênh mương tưới nước	2578/QĐ-UBND 21/8/2014; 9476/QĐ-UBND 30/12/2017	14,900	12,000	12,000		1	UBND huyện Quốc Oai	

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			CTHT giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày quyết định	TMĐT dự kiến	Tổng cộng	Đã bố trí vốn năm 2021	KHV giai đoạn 2022-2025			
18	Cải tạo nâng cấp đường trục xã đi khu du lịch Hà Phú xã Phú Mãn, huyện Quốc Oai		1	Xã Phú Mãn	2021-2025	Chiều dài tuyến 1,450km, mặt đường bê tông xi măng.	2373/QĐ-UBND 18/7/2014; 9088/QĐ-UBND 09/12/2017	14,946	12,000	12,000		1	UBND huyện Quốc Oai	
19	Cải tạo đường giao thông thôn Đồng Âm, thôn Đồng Vàng, xã Phú Mãn, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội		1	Xã Phú Mãn	2021-2025	Chiều dài tuyến 2.908,59m, mặt đường bê tông xi măng	2457/QĐ-UBND 12/8/2014; 9087/QĐ-UBND 09/12/2017	14,804	12,000	12,000		1	UBND huyện Quốc Oai	
20	Xây dựng đường giao thông nội đồng và cứng hóa muong thủy lợi thôn Đồng Âm xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai		1	Xã Đông Xuân	2021-2025	Chiều dài tuyến 2.606,08m, mặt đường bê tông xi măng	3235/QĐ-UBND 13/10/2014; 9080/QĐ-UBND 09/12/2017	13,534	12,000	12,000		1	UBND huyện Quốc Oai	
21	Xây dựng đường giao thông nông thôn Đồng Bền 1, thôn Cửa Khẩu xã Đông Xuân, huyện Quốc Oai		1	Xã Đông Xuân	2021-2025	Chiều dài tuyến 2.993m, mặt đường bê tông xi măng	3248/QĐ-UBND 13/10/2014; 9099/QĐ-UBND 09/12/2017	13,486	12,000	12,000		1	UBND huyện Quốc Oai	
22	Cầu Đồng Bò, xã Đông Xuân		1	Xã Đông Xuân	2021-2025		9500/QĐ-UBND 30/12/2017	14,800	11,000	11,000		1	UBND huyện Quốc Oai	
23	Cầu Đá Liềm, xã Đông Xuân		1	Xã Đông Xuân	2021-2025		9501/QĐ-UBND 30/12/2017	14,500	11,000	11,000		1	UBND huyện Quốc Oai	
24	Cứng hóa đường giao thông nội đồng xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021-2025	Tổng chiều dài 8326,22 m	3085/QĐ-UBND 02/6/2021	32,500	15,000	15,000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
25	Rãnh thoát nước đường giao thông các thôn xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021-2025	Tổng chiều dài 3122,12m	3087/QĐ-UBND 02/6/2021	8,315	7,500	7,500		1	UBND huyện Chương Mỹ	
26	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn xã An Phú đoạn từ thôn Đồng chiêm đến đường liên xã		1	xã An Phú	2021-2025	Tiêu chuẩn đường GTNT	1412/QĐ-UBND 24/6/2021	10,014	9,000	9,000		1	UBND Huyện Mỹ Đức	
27	Cải tạo, nâng cấp đường Thanh Hà xã An Phú(giai đoạn 2)		1	xã An Phú	2021-2025	1,354 km	1410/QĐ-UBND 24/6/2021	6,196	5,500	5,500		1	UBND Huyện Mỹ Đức	
28	Cải tạo nâng cấp đường trục chính xã An Phú đoạn từ UBND xã đến QL21A		1	Xã An Phú	2021-2025		1394/QĐ-UBND 23/6/2021	23,926	21,000	21,000		1	UBND Huyện Mỹ Đức	
29	Xây dựng, nâng cấp đường giao thông xã An Phú và 03 cầu: Phú Thanh, Thoáng, Đống Gạch xã An Phú.		1	Xã An Phú	2021-2025	Chiều dài tuyến L=3500m, đường cấp VI vùng núi Bnên=6.0m; Bmặt=5m, nê 0,5x2m, kè 2 bên, mặt đường BTXM mác 250 dày 25cm, xây dựng 3 cầu dân sinh kết cấu BTCT.		39,175	30,000	30,000		1	UBND Huyện Mỹ Đức	

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			CTHT giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú	
		B	C				Số, ngày quyết định	TMĐT dự kiến	Tổng cộng	Đã bố trí vốn năm 2021	KHV giai đoạn 2022-2025				
30	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã An Phú đoạn Núi Dài xã An Phú		1	Xã An Phú	2021-2025	Chiều dài tuyến L=3500m, đường cấp VI vùng núi Bền=6.0m; Bmặt=5m, nê 0,5x2m, kè 2 bên, mặt đường BTXM mac 250 dày 25cm.		35,035	30,000		30,000		1	UBND Huyện Mỹ Đức	
31	Đường trục chính đi khu chuyển đổi thôn Thanh Hà, xã An Phú, huyện Mỹ Đức		1	Xã An Phú	2021-2025	Chiều dài tuyến L=750m, đường GTNT loại B, chiều rộng nền đường Bền=5,0m, Chiều rộng mặt đường Bmặt=3,5m mặt đường BTXM		9,861	9,000		9,000		1	UBND Huyện Mỹ Đức	
32	Đường trục chính đi khu chuyển đổi thôn Nam Hưng, xã An Phú, huyện Mỹ Đức		1	Xã An Phú	2021-2025	Chiều dài tuyến L=1,25Km, đường GTNT loại B, chiều rộng nền đường Bền=5,0m, Chiều rộng mặt đường Bmặt=3,5m mặt đường BTXM		13,845	13,000		13,000		1	UBND Huyện Mỹ Đức	
I.5	Lĩnh vực Văn hóa		4					36,507	26,500		26,500		4		
1	Xây dựng nhà văn hóa thôn 6 xã Tiên Xuân, thôn 2 xã Yên Bình		1	xã Tiên Xuân, Yên Bình	2021-2025	xây mới 2 NVH	3399 ngày 28/7/2020	7,000					1	UBND huyện Thạch Thất	Ngân sách huyện Thạch Thất bố trí
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Luồng Lặt xã Yên Trung, thôn Cao Dầu xã Tiên Xuân		1	xã Yên Trung, Tiên Xuân	2021-2025	Xây dựng NVH diện tích khoảng 300m2 mỗi nhà, sân vườn và phụ trợ	22/NQ-HĐND 04/11/2020	7,000	6,500		6,500		1	UBND huyện Thạch Thất	
3	Nhà văn hóa các dân tộc thiểu số xã Phú Mãn, huyện Quốc Oai		1	Xã Phú Mãn	2021-2025	Nhà truyền thống văn hóa và trung bày S=500m2, Nhà hội họp S=450m2, các hạng mục phụ trợ khác	2658/QĐ-UBND 24/10/2014; 8351/QĐ-UBND 15/11/2017	12,457	11,000		11,000		1	UBND huyện Quốc Oai	
4	Nhà văn hoá trung tâm xã An phú		1	Xã An Phú	2021-2025	Xây dựng nhà văn hóa trung tâm theo quy mô nhà văn hóa cấp xã	524/QĐ-UBND 28/3/2014; 3032/QĐ-UBND 31/12/2017	10,050	9,000		9,000		1	UBND Huyện Mỹ Đức	
I.6	Lĩnh vực khác		6					49,833	36,000		36,000		6		
1	Đầu tư xây dựng trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Tiên Xuân		1	Xã Tiên Xuân	2021-2025	GPMB 4500m2; Xây dựng khối nhà làm việc trụ sở Đảng Ủy - HĐND - UBND; Cải tạo nhà làm việc hiện trạng; xây nhà bảo vệ, để xe, phụ trợ, mua sắm trang thiết bị, ...	5680/QĐ-UBND 12/11/2020	30,000	18,000		18,000		1	UBND huyện Thạch Thất	Do vướng GPMB, không đáp ứng tiến độ giải ngân năm 2021
2	Cải tạo, mở rộng sân thể thao trung tâm xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021-2025	Xây dựng sân thể thao; Các hạng mục phụ trợ	2063/QĐ-UBND 15/4/2021	4,449	4,000		4,000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
3	Sân thể thao khu Đồng Ké, xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021-2025	Xây dựng sân thể thao; Các hạng mục phụ trợ	2064/QĐ-UBND 15/4/2021	3,303	3,000		3,000		1	UBND huyện Chương Mỹ	

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			CTHT giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày quyết định	TMBĐT dự kiến	Tổng cộng	Đã bố trí vốn năm 2021	KHV giai đoạn 2022-2025			
4	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021-2025	Cải tạo nhà làm việc 2 tầng; Cải tạo nhà làm việc 1 cửa; các hạng mục phụ trợ	2065/QĐ-UBND 15/4/2021	4,726	4,500	4,500		1	UBND huyện Chương Mỹ	
5	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021-2025	Cải tạo, sửa chữa đài tưởng niệm; các hạng mục phụ trợ	2062/QĐ-UBND 15/4/2021	2,162	2,000	2,000		1	UBND huyện Chương Mỹ	
6	Xây dựng Chợ An Phú		1	Xã An Phú	2021-2025	5.120 m2	1408/QĐ-UBND 24/6/2021	5,193	4,500	4,500		1	UBND Huyện Mỹ Đức	
II	DỰ ÁN BỐ TRÍ VỐN GIAI ĐOẠN 2022-2025		39					761,300	757,000		757,000	39		
II.1	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo		12					328,500	342,000		342,000	12		
1	Trường mầm non Minh Quang B (khu đá chông)		1	Minh Quang	2021-2025	Cải tạo nhà lớp học 2 tầng, xây mới các phòng bộ môn, hiệu bộ, phụ trợ		15,000	30,000		30,000	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Trường mầm non Khánh Thượng B		1	Khánh Thượng	2021-2025	Xây dựng các phòng học, hiệu bộ, cải tạo 2 nhà lớp học 2 tầng, phụ trợ		14,500	30,500		30,500	1	UBND huyện Ba Vì	
3	Trường THCS Minh Quang		1	Minh Quang	2021-2025	Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia về giáo dục		25,000	25,000		25,000	1	UBND huyện Ba Vì	
4	Trường Tiểu học Khánh Thượng (khu A)		1	Khánh Thượng	2021-2025	Xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia về giáo dục		25,000	25,000		25,000	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Xây dựng trường Mầm non Yên Bình (điểm 1)		1	xã Yên Bình	2021-2025	Xây mới nhà hiệu bộ, 06 phòng bộ môn, bếp, tường bao, các hạng mục phụ trợ...; cải tạo nhà lớp học 2 tầng 10 phòng		35,000	35,000		35,000	1	UBND huyện Thạch Thất	
6	Cải tạo phòng học, phòng bộ môn, hiệu bộ, khu thể chất, sân vườn, phụ trợ trường THCS Tiên Xuân, THCS Yên Bình		1	xã Tiên Xuân, Yên Bình	2021-2025	Chuẩn lại mức độ 2: Cải tạo phòng học, phòng bộ môn, hiệu bộ, vệ sinh, khu thể chất, sân vườn, phụ trợ		23,000	23,000		23,000	1	UBND huyện Thạch Thất	
7	Xây dựng, cải tạo khối trường Tiểu học Yên Trung, Yên Bình A, Yên Bình B, Tiên Xuân B		1	xã Tiên Xuân, Yên Bình, Yên Trung	2021-2025	Xây dựng khu thể chất, cải tạo nhà lớp học, sân vườn, phụ trợ các trường Tiểu học Yên Trung, Yên Bình A, Yên Bình B, Tiên Xuân B		50,000	50,000		50,000	1	UBND huyện Thạch Thất	

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			CTHT giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày quyết định	TMBĐT dự kiến	Tổng cộng	Đã bố trí vốn năm 2021	KHV giai đoạn 2022-2025			
8	Xây dựng mới trường mầm non khu B, xã Trần Phú		1	Xã Trần Phú	2021-2025	Xây mới nhà lớp học 2T8P, Khối nhà hiệu bộ + phòng học chức năng và khu bếp 2 tầng; Các hạng mục phụ trợ, trang thiết bị	25/NQ-HĐND 19/12/2020	36,000	33,000		33,000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
9	Trường mầm non An Phú B điểm trường Đông Chiêm		1	Xã An Phú	2021-2025			30,000	25,000		25,000	1	UBND Huyện Mỹ Đức	
10	Trường mầm non An Phú A (Điểm trường Thanh Hà);		1	Xã An Phú	2021-2025			30,000	25,000		25,000	1	UBND Huyện Mỹ Đức	
11	Trường Tiểu học An Phú khu Thanh Hà		1	Xã An Phú	2021-2025			20,000	18,000		18,000	1	UBND Huyện Mỹ Đức	
12	Cải tạo, nâng cấp trường THCS An Phú		1	Xã An Phú	2021-2025			25,000	22,500		22,500	1	UBND Huyện Mỹ Đức	
II.2	Lĩnh vực Y tế		3					74,500	71,500		71,500	3		
1	Cải tạo nâng cấp phòng khám đa khoa khu vực Minh Quang		1	Minh Quang	2021-2025	Cải tạo, sửa chữa		35,000	35,000		35,000	1	UBND huyện Ba Vì	
2	Xây dựng, mở rộng trạm y tế xã Tiên Xuân		1	Xã Tiên Xuân	2021-2025	Xây dựng nhà khám chữa bệnh với đầy đủ các phòng chức năng, mua sắm thiết bị và hạng mục phụ trợ; Mở rộng khoảng 2000m2	06/NQ-HĐND 25/6/2020	9,500	9,500		9,500	1	UBND huyện Thạch Thất	
3	Xây dựng mới phòng khám đa khoa Yên Bình		1	xã Yên Bình	2021-2025	Xây dựng mới phòng khám bệnh, nội trú, phụ trợ; mở rộng, GPMB 0,3ha		30,000	27,000		27,000	1	UBND huyện Thạch Thất	
II.3	Lĩnh vực Thủy lợi		4					70,050	70,050		70,050	4		
1	Kiên cố hóa hệ thống đường giao thông nội đồng xã Đông Xuân		1	xã Đông Xuân	2021-2025			10,000	10,000		10,000	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Cải tạo, nạo vét hồ thủy lợi Trung Tiến		1	Xã Trần Phú	2021-2025	Nạo, vét lòng hồ phục vụ tưới tiêu 13ha đất nông nghiệp		25,000	25,000		25,000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
3	Cải tạo, nâng cấp đập tràn suối Bóp thôn Hương Canh, xã Khánh Thượng		1	xã Khánh Thượng	2022-2024	Cải tạo, nâng cấp, xây mới		24,050	24,050		24,050	1	UBND huyện Ba Vì	
4	Nâng cấp hệ thống tiêu thoát nước đường Ba Vành suối Mơ xã Vân Hòa đi xã Yên Bái		1	Xã Yên Bái	2022-2024	Cải tạo, nâng cấp		11,000	11,000		11,000	1	UBND huyện Ba Vì	
II.4	Lĩnh vực Giao thông		7					199,500	196,000		196,000	7		

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			CTHT giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày quyết định	TMĐT dự kiến	Tổng cộng	Đã bố trí vốn năm 2021	KHV giai đoạn 2022-2025			
1	Đường liên xã từ thôn Đồng Âm, thôn Đồng Bền, xã Đông Xuân đi xã Phú Mãn		1	Đồng Ràng, Đồng Bền	2021-2025			11,000	11,000		11,000	1	UBND huyện Quốc Oai	
2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Đông Xuân đi xã Phú Mãn và hệ thống thoát nước xã Đông Xuân		1	Đông Xuân	2021-2025			10,000	11,000		11,000	1	UBND huyện Quốc Oai	
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng kết hợp mương tưới tiêu xã Đông Xuân		1	Đông Xuân	2021-2025			10,000	12,500		12,500	1	UBND huyện Quốc Oai	
4	Cải tạo, nâng cấp đường từ TL 446 đi hồ C5 xã Thạch Hòa		1	Xã Đông Xuân	2021-2025			10,000	10,000		10,000	1	UBND huyện Quốc Oai	
5	Cải tạo, mở rộng đường giao thông liên xã Trần Phú đi xã Hồng Phong		1	Xã Trần Phú	2021-2025			150,000	144,000		144,000	1	UBND huyện Chương Mỹ	
6	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Gò Đa Che, xã Khánh Thượng		1	Xã Khánh Thượng	2022-2024	Cải tạo, nâng cấp		6,000	5,500		5,500	1	UBND huyện Ba Vì	
7	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Minh Hồng, xã Minh Quang		1	Xã Minh Quang	2022-2024	Cải tạo, nâng cấp		2,500	2,000		2,000	1	UBND huyện Ba Vì	
II.5	Lĩnh vực Văn hóa		7					30,000	22,500		22,500	7		
1	Cải tạo, sửa chữa nhà văn hóa các thôn xã Yên Trung		1	xã Yên Trung	2021-2025	Cải tạo nhà văn hóa các thôn Đám bói, Đồng Sô, Đồng Tơi, Hội, Lặt		5,000	5,000		5,000	1	UBND huyện Thạch Thất	
2	Xây dựng nhà văn hóa thôn Lụa-Vao xã Yên Bình		1	xã Yên Bình	2021-2025			5,000	5,000		5,000	1	UBND huyện Thạch Thất	
3	Xây dựng nhà văn hóa thôn Bon, xã Văn Hòa		1	Xã Văn Hòa	2022-2023	XD mới nhà văn hóa 01 tầng, 150 chỗ ngồi, HTTK, thiết bị...		4,000	2,500		2,500	1	UBND huyện Ba Vì	
4	Xây dựng nhà văn hóa thôn Đa Cường, xã Văn Hòa		1	Xã Văn Hòa	2022-2023	XD mới nhà văn hóa 01 tầng, 150 chỗ ngồi, HTTK, thiết bị...		4,000	2,500		2,500	1	UBND huyện Ba Vì	
5	Xây dựng nhà văn hóa thôn Muống Voi, xã Văn Hòa		1	Xã Văn Hòa	2022-2023	XD mới nhà văn hóa 01 tầng, 150 chỗ ngồi, HTTK, thiết bị...		4,000	2,500		2,500	1	UBND huyện Ba Vì	
6	Xây dựng nhà văn hóa thôn Nghe, xã Văn Hòa		1	Xã Văn Hòa	2022-2023	XD mới nhà văn hóa 01 tầng, 150 chỗ ngồi, HTTK, thiết bị...		4,000	2,500		2,500	1	UBND huyện Ba Vì	
7	Xây dựng nhà văn hóa thôn Xoan, xã Văn Hòa		1	Xã Văn Hòa	2022-2023	XD mới nhà văn hóa 01 tầng, 150 chỗ ngồi, HTTK, thiết bị...		4,000	2,500		2,500	1	UBND huyện Ba Vì	
II.6	Lĩnh vực khác		6					58,750	54,950		54,950	6		

TT	Tên dự án	Nhóm dự án		Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện dự án	Năng lực thiết kế dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			CTHT giai đoạn 2021-2025	Chủ đầu tư	Ghi chú
		B	C				Số, ngày quyết định	TMBT dự kiến	Tổng cộng	Đã bố trí vốn năm 2021	KHV giai đoạn 2022-2025			
1	Xây dựng, cải tạo chợ nông thôn xã Tiên Xuân		1	xã Tiên Xuân	2021-2025	Diện tích khuôn viên hiện trạng 4500m ² ; xây dựng nhà cầu chợ, san nền, xây công, tường bao và phụ trợ		5,000	4,500		4,500	1	UBND huyện Thạch Thất	
2	Cải tạo, nâng cấp chợ Cò xã Yên Bình		1	xã Yên Bình	2021-2025	Diện tích khuôn viên hiện trạng 4500m ² ; xây dựng nhà cầu chợ, san nền, xây công, tường bao và phụ trợ		7,000	6,500		6,500	1	UBND huyện Thạch Thất	
3	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng điểm chợ nông thôn xã Yên Trung		1	xã Yên Trung	2021-2025	Diện tích khuôn viên hiện trạng 1.500m ² ; Mở rộng, GPMB 3.000m ² , xây dựng nhà cầu chợ, san nền, xây công, tường bao, PCCC và phụ trợ		7,000	6,500		6,500	1	UBND huyện Thạch Thất	
4	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã Yên Trung		1	Xã Yên Trung	2021-2025	Cải tạo nhà làm việc, khuôn viên trụ sở UBND xã		4,800	4,500		4,500	1	UBND huyện Thạch Thất	
5	Mở rộng, xây dựng, cải tạo, sửa chữa trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Yên Bình		1	Xã Yên Bình	2021-2025	Mở rộng, xây dựng, cải tạo trụ sở		20,000	18,000		18,000	1	UBND huyện Thạch Thất	
6	Cải tạo nhà làm việc kết hợp hội trường UBND xã Ba Trại		1	Xã Ba Trại	2022-2024	Cải tạo và xây mới Hội trường		14,950	14,950		14,950	1	UBND huyện Ba Vì	



Biểu số 02

DANH MỤC

Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2025 (các dự án này bổ sung thêm ngoài Quyết định số 4681/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của UBND thành phố Hà Nội)

(Kèm theo Kế hoạch số 253 /KH-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Địa điểm	Tổng số	NS Thành phố	Chủ đầu tư	Ghi chú
Tổng cộng			147,702	147,702		
I	Nội dung 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt, gồm các công trình, dự án:		144,000	144,000		
1	Đề nghị đầu tư khoan giếng nước sạch cho các thôn ở xa trung tâm xã	<i>Thôn: Rộc éo, bờ môi, đình, gốc bàng, nam hưng và thanh hà, xóm quèn danh = 7 thôn</i>	3,000	3,000	UBND huyện Mỹ Đức	
2	Đề nghị lắp đặt đường ống cung cấp nước sạch cho các thôn gần trung tâm xã	6 thôn	3,000	3,000	UBND huyện Mỹ Đức	
3	Xây dựng hệ thống nước sạch xã Đông Xuân	Xã Phú Mãn	60,000	60,000	UBND huyện Quốc Oai	
4	Xây dựng hệ thống nước sạch xã Phú Mãn	Xã Đông Xuân	60,000	60,000	UBND huyện Quốc Oai	
5	Hỗ trợ lắp đặt đồng hồ nước	Xã Phú Mãn	9,000	9,000	UBND huyện Quốc Oai	
6	Hỗ trợ lắp đặt đồng hồ nước	Xã Đông Xuân	9,000	9,000	UBND huyện Quốc Oai	
II	Nội dung 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, gồm các công trình, dự án:		412	412		
1	Xây dựng lại công trạm cho phù hợp với công tác phòng chữa cháy	Xã An Phú	50	50	UBND huyện Mỹ Đức	

Handwritten mark

2	Xây dựng nhà để xe cho người nhà bệnh nhân	Xã An Phú	50	50	UBND huyện Mỹ Đức	
3	Làm mái tôn chống nóng, chống dột cho nhà bếp ăn DT 80 m2	Xã An Phú	12	12	UBND huyện Mỹ Đức	
4	Lắp đặt hệ thống lọc nước đảm bảo theo tiêu chuẩn	Xã An Phú	100	100	UBND huyện Mỹ Đức	
5	Lắp đặt hệ thống xử lý rác thải y tế theo qui định	Xã An Phú	200	200	UBND huyện Mỹ Đức	
III	Nội dung 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em, gồm các công trình, dự án:		3,290	3,290		
I	Xây dựng nhà tạm lánh, địa chỉ tin cậy tại cộng đồng thực hiện tư vấn	7 xã miền núi	3,290	3,290	UBND huyện Ba Vì	



Biểu số 03

DANH MỤC

Các dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi của Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 253 /KH-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Địa điểm	Tổng số	NS Thành phố	Chủ đầu tư	Ghi chú
Tổng công			496,821	496,821		
I	Nội dung 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết, gồm các công trình, dự án:		3,061	3,061		
1	Quy hoạch điểm dân cư nông thôn, khu trung tâm xã Phú Mãn	Xã Phú Mãn	391	391	UBND huyện Quốc Oai	
2	Quy hoạch điểm dân cư nông thôn, khu trung tâm xã Đông Xuân	Xã Đông Xuân	470	470	UBND huyện Quốc Oai	
3	Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực Khu du lịch Thác Bạc - Suối Sao, huyện Thạch Thất tỷ lệ 1/2.000		2,200	2,200	UBND huyện Thạch Thất	
II	Nội dung 3: Phát triển sản xuất, nông, lâm nghiệp, du lịch, củng cố phát triển ngành, nghề truyền thống, làng nghề, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng, miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị, gồm các công trình, dự án:		369,783	369,783		
1	Huyện Ba Vì		290,555	290,555		
1.1	Xã Tân Lĩnh		41,710	41,710		
-	Phát triển trồng hoa, cây cảnh (Hoa đào, hoa mai trắng)	Các thôn: Cua Chu, Bát Đám, Ké Mới, Hiệu Lược, Cẩm Phương, An Hòa	1,525	1,525	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	

-	Phát triển trồng cây dược liệu	Các thôn: Cua Chu, Bát Đầm	1,050	1,050	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Phát triển trồng cây ăn quả	Các thôn: Yên Thành, Ké Mới	250	250	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Phát triển chăn nuôi bò sinh sản	Các thôn: Cua Chu, Hà Tân, Gò Sồng, Bát Đầm, Yên Thành, Ké Mới, Hiệu Lực,	5,640	5,640	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Phát triển chăn nuôi bò sữa	Các thôn: Hà Tân, Ké Mới, Hát Giang, Cẩm Phương, Tam Mỹ, Đức Thịnh, Việt Long	18,025	18,025	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Phát triển chăn nuôi lợn	Các thôn: Cua Chu, Ké Mới, Hiệu Lực, Cẩm Phương, Tam Mỹ	1,100	1,100	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Phát triển chăn nuôi gia cầm, gà đồi	Các thôn: Cua chu, Yên Thành, Hiệu Lực, Tam Mỹ, Hoàng Long	3,220	3,220	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Phát triển chăn nuôi đà điểu	Các thôn: Ké Mới, An Hòa, Tam Mỹ	400	400	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án chăn nuôi ong lấy mật	Tại 03 thôn	500	500	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án phát triển trang trại nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm	Toàn xã	10,000	10,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
1.2	Xã Khánh Thượng		14,555	14,555		
-	Dự án hỗ trợ trồng cây dược liệu	Toàn xã	1,725	1,725	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ trồng cây có múi		420	420	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ trồng cây rong giềng		960	960	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ nuôi bò sinh sản		3,000	3,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án chăn nuôi gà đồi		4,200	4,200	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án chăn nuôi ong lấy mật		250	250	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	

-	Dự án hỗ trợ vườn trồng cây thuốc nam		4,000	4,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
1.3	Xã Minh Quang		38,890	38,890	
-	Dự án đầu tư hỗ trợ kỹ thuật, con giống chăn nuôi bò	Toàn xã	22,500	22,500	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
-	Dự án đầu tư hỗ trợ kỹ thuật, con giống chăn nuôi Đà điểu	Toàn xã	5,000	5,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
-	Dự án chăn nuôi ong lấy mật		500	500	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
-	Dự án chăn nuôi dê		300	300	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
-	Dự án nuôi cá lồng trên sông		500	500	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
-	Dự án hỗ trợ trồng cây dong riềng		90	90	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
-	Dự án phát triển trang trại nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm cộng đồng		10,000	10,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
1.4	Xã Ba Vì		31,250	31,250	
-	Dự án hỗ trợ cây giống thuốc nam	Thôn Hợp Nhất, Hợp Sơn, Yên Sơn	5,250	5,250	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
-	Dự án hỗ trợ máy hoàn viên thuốc và máy thái	Thôn Hợp Nhất, Hợp Sơn, Yên Sơn	9,000	9,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
-	Dự án vườn ươm cây thuốc nam		2,000	2,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
-	Dự án Phát triển trang trại gắn với du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm cộng đồng		5,000	5,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
-	Dự án phát triển du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm làng nghề cây thuốc nam		10,000	10,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
1.5	Xã Ba Trại		44,950	44,950	
-	Dự án chăn nuôi bò	Toàn xã	2,100	2,100	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
-	Dự án chăn nuôi lợn		2,000	2,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
-	Dự án hỗ trợ trồng, chế biến chè		30,000	30,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì

-	Dự án hỗ trợ trồng cây thuốc nam	Thôn 5,6,7,8,9 xã Ba Trại	750	750	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì		
-	Dự án phát triển trang trại nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm cộng đồng vùng trồng chè		10,000	10,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì		
-	Dự án chăn nuôi ong lấy mật		100	100	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì		
1.6	Xã Yên Bài		61,250	61,250			
-	Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò sữa	Toàn xã	21,000	21,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì		
-	Dự án hỗ trợ chăn nuôi đà điểu		250	250	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì		
-	Dự án hỗ trợ chăn nuôi bò thịt		6,000	6,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì		
-	Dự án hỗ trợ trồng cây thuốc nam		600	600	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì		
-	Dự án trang trại nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm		5,000	5,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì		
-	Dự án phát triển sản xuất chè Yên Bài		12,000	12,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì		
-	Dự án phát triển Bưởi Yên Bài		4,500	4,500	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì		
-	Dự án trang trại tổng hợp		10,000	10,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì		
-	Dự án chăn nuôi gà đồi		1,400	1,400	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì		
-	Dự án chăn nuôi lợn mường		500	500	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì		
1.7	Xã Vân Hòa			57,950	57,950		
-	Dự án hỗ trợ chăn nuôi Bò sữa		Toàn xã	56,000	56,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ chăn nuôi Đà điểu	300		300	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì		
-	Dự án hỗ trợ chăn nuôi Bò thịt	600		600	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì		

-	Dự án hỗ trợ trồng cây thuốc nam		1,050	1,050	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
2	Huyện Thạch Thất		11,490	11,490		
2.1	Xã Yên Bình		1,350	1,350		
-	Dự án hỗ trợ giống Hoa Ly	Thôn 1,3,5	75	75	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ giống Bò Ba Bê	Thôn 3,4,6	600	600	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ nhà lưới trồng hoa	Thôn 1,2,3	225	225	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ giống hoa Lay ơn		150	150	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ trồng cây Ba Kích		300	300	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
2.2	Xã Yên Trung		7,940	7,940		
-	Dự án hỗ trợ giống Bò sinh sản		1,800	1,800	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ nuôi Trâu		2,340	2,340	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ Lợn Nái sinh sản		2,840	2,840	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ Gà thả đồi		840	840	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ trồng cây thanh long ruột đỏ		120	120	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
2.3	Xã Tiến Xuân		2,200	2,200		
-	Dự án hỗ trợ giống Lợn sinh sản	Thôn 1,3,7	250	250	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ giống Gà ta lai	Thôn 2,5,6,7	840	840	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ giống Bò sinh sản	Thôn 1,2,3,6,4	660	660	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ Bò Ba Bê	Thôn 1,2,3,6,4	450	450	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	

3	Huyện Quốc Oai		16,864	16,864		
3.1	Xã Phú Mãn		3,164	3,164		
-	Hỗ trợ cung cấp cây giống trồng cây ăn quả (Thanh long ruột đỏ, bưởi, nhãn...)	5 thôn	520	520	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Hỗ trợ cung cấp giống cây trồng rừng (Bạch đàn, Keo, và các cây trồng hiệu quả)	5 thôn	570	570	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Hỗ trợ cung cấp giống và kỹ thuật nuôi lợn rừng, gà thả đồi, nhím, dúi...	5 thôn	1,624	1,624	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ trồng cây Hồng	5 thôn	450	450	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
3.2	Xã Đông Xuân		13,700	13,700		
-	Hỗ trợ cung cấp cây giống trồng cây ăn quả (Thanh long ruột đỏ, bưởi, nhãn, cây dược liệu...)	7 thôn	3,000	3,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Hỗ trợ cung cấp cây giống trồng rừng (Bạch đàn hương, Keo và cây trồng hiệu quả khác...)	7 thôn	4,500	4,500	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Hỗ trợ cung cấp giống và kỹ thuật nuôi lợn rừng, gà thả đồi, nhím, dúi...	7 thôn	4,200	4,200	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án phát triển trang trại nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm cộng đồng		2,000	2,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
4	Huyện Chương Mỹ		14,100	14,100		
-	Mô hình sản xuất Bưởi VietGap ứng dụng công nghệ cao, gắn với tiêu thụ sản phẩm và hỗ trợ chứng nhận VietGap	xã Trần Phú	2,000	2,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Mô hình sản xuất gà thả vườn theo hướng VietGap, gắn với tiêu thụ sản phẩm và hỗ trợ chứng nhận VietGap		5,600	5,600	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án phát triển trồng cây dược liệu (cây cà gai leo, mật gấu, ...)		1,500	1,500	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án phát triển trang trại nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm cộng đồng		5,000	5,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
5	Huyện Mỹ Đức		8,830	8,830		

-	Mô hình phát triển cây dược liệu	Xã An Phú	60	60	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Nuôi trâu sinh sản		2,640	2,640	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Chuỗi tiêu thụ sản phẩm sen		1,000	1,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Máy cơ giới hóa		1,000	1,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Phát triển HTX thủy sản		600	600	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Mô hình nuôi lợn nái sinh sản		580	580	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Sản xuất lúa chất lượng cao		750	750	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
-	Dự án hỗ trợ nuôi dê			200	200	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì
-	Dự án phát triển trang trại nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm cộng đồng ở vùng trồng sen		2,000	2,000	Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì	
*	Các Dự án do các huyện chủ trì		27,944	27,944		
-	Hỗ trợ sản xuất xã Yên Trung	Xã Yên Trung	16,920	16,920	UBND huyện Thạch Thất	
-	DA trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng và kết hợp du lịch sinh thái 141,65 ha	Xã Phú Mãn	6,000	6,000	UBND huyện Quốc Oai	
-	Tổ chức các lớp tập huấn chăn nuôi	Xã Đông Xuân	100	100	UBND huyện Quốc Oai	
-	Hỗ trợ về con giống, thuốc thú y	Xã Đông Xuân	2,500	2,500	UBND huyện Quốc Oai	
-	Xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản	Xã Đông Xuân	1,024	1,024	UBND huyện Quốc Oai	
-	Hỗ trợ cải tạo khu ao hồ	Xã Đông Xuân	1,400	1,400	UBND huyện Quốc Oai	
III	Nội dung 5: Phát triển giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.		8,324	8,324		
1	Tập huấn nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, nhân viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số	Các xã: Ba Vi, Minh Quang, Khánh Thượng, Yên Bài, Vân Hòa, Tân Lĩnh, Ba Trại	1,500	1,500	UBND huyện Ba Vi	
2	Tổ chức các lớp dạy nghề, đào tạo và nhân cấy nghề cho người dân	Xã Đông Xuân	2,000	2,000	UBND huyện Quốc Oai	

3	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn cho vùng sản xuất VietGAP	Xã Trần Phú	504	504	UBND huyện Chương Mỹ	
4	Hỗ trợ dạy nghề xã Yên Trung	Xã Yên Trung	4,320	4,320	UBND huyện Thạch Thất	
IV	Nội dung 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, gồm các công trình, dự án:		33,600	33,600		
1	Xây dựng mô hình du lịch cộng đồng gắn với trải nghiệm thực tế tại các làng nghề và các điểm du lịch gắn với các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số	Các huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức	2,500	2,500	Sở Du lịch chủ trì	
2	Tổ chức thường xuyên các hội nghị trao đổi về kỹ năng, ứng xử văn minh du lịch cho cộng đồng dân cư	Các huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Chương Mỹ, Mỹ Đức	1,000	1,000	Sở Du lịch chủ trì	
*	Các Dự án do các huyện chủ trì		30,100	30,100		
1	Nâng cao hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa trên địa bàn 7 xã miền núi	Các xã: Ba Vì, Minh Quang, Khánh Thượng, Yên Bài, Vân Hòa, Tân Lĩnh, Ba Trại	8,450	8,450	UBND huyện Ba Vì	
2	Đẩy mạnh phát triển dịch vụ gắn với bảo tồn giá trị văn hóa DTTS miền núi	Các xã: Ba Vì, Minh Quang, Khánh Thượng, Yên Bài, Vân Hòa, Tân Lĩnh, Ba Trại	1,200	1,200	UBND huyện Ba Vì	
3	Sưu tầm, mua sắm công chiêng cho các thôn trên địa bàn 7 xã miền núi còn lại (54 bộ x 40 triệu/bộ)	Các xã: Ba Vì, Khánh Thượng, Minh Quang, Tân Lĩnh, Ba Trại, Vân Hòa, Yên Bài	2,160	2,160	UBND huyện Ba Vì	
4	Sưu tầm, mua sắm trang phục cho người uy tín và người làm công tác bảo tồn trên địa bàn 7 xã miền núi còn lại (630 bộ x 3 triệu/bộ)	Các xã: Ba Vì, Khánh Thượng, Minh Quang, Tân Lĩnh, Ba Trại, Vân Hòa, Yên Bài	1,890	1,890	UBND huyện Ba Vì	
5	Đề án : "Khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc Văn hóa DTTS xã An Phú huyện Mỹ Đức giai đoạn 2021-2025"	Xã An Phú	5,000	5,000	UBND huyện Mỹ Đức	
6	Mở các lớp tập huấn nâng cao đội công chiêng, đội nhạc cụ dân tộc, CLB dân ca Mường	6 thôn xã An Phú	1,500	1,500	UBND huyện Mỹ Đức	
7	Khôi phục, bảo tồn lễ hội truyền thống của người Mường	4 thôn xã An Phú	1,200	1,200	UBND huyện Mỹ Đức	

8	Thực hiện đề án quảng bá, xúc tiến du lịch Hoa sen gắn với phát triển văn hóa dân tộc	Xã An Phú	5,200	5,200	UBND huyện Mỹ Đức	
9	Mua sắm trang thiết bị cho nhà văn hóa cộng đồng xã Đông Xuân	Xã Đông Xuân	500	500	UBND huyện Quốc Oai	
10	Đề án "Khôi phục và bảo tồn bản sắc giá trị văn hóa dân tộc thiểu số huyện Quốc Oai giai đoạn 2021-2030"	Huyện Quốc Oai	3,000	3,000	UBND huyện Quốc Oai	
V	Nội dung 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, gồm các công trình, dự án:		32,327	32,327		
1	Trung tâm y tế huyện Ba Vì		11,200	11,200		
-	Đầu tư trang thiết bị y tế chuyên dùng		11,200	11,200	Sở Y tế Hà Nội	
2	Trung tâm y tế huyện Mỹ Đức		1,325	1,325		
-	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải lỏng y tế và hệ thống xử lý nước sạch TYT xã An Phú		900	900	Sở Y tế Hà Nội	
-	Đầu tư trang thiết bị y tế chuyên dùng		425	425	Sở Y tế Hà Nội	
3	Trung tâm y tế huyện Thạch Thất		5,685	5,685		
-	Đầu tư trang thiết bị y tế chuyên dùng		5,685	5,685	Sở Y tế Hà Nội	
4	Trung tâm y tế huyện Quốc Oai		48	48		
-	Đầu tư trang thiết bị y tế chuyên dùng		48	48	Sở Y tế Hà Nội	
*	Các Dự án do các huyện chủ trì		14,069	14,069		
1	Tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ xã, y tế thôn và cộng tác viên dinh dưỡng	Các xã: Ba Vì, Minh Quang, Khánh Thượng, Yên Bài, Vân Hòa, Tân Lĩnh, Ba Trại	246	246	UBND huyện Ba Vì	
2	Tập huấn chuyên môn cho cán bộ Y tế xã, y tế thôn bản, Y tế trường học, Cộng tác viên dinh dưỡng:	Các xã: Ba Vì, Minh Quang, Khánh Thượng, Yên Bài, Vân Hòa, Tân Lĩnh, Ba Trại	161	161	UBND huyện Ba Vì	
3	Tăng cường công tác truyền thông về phòng chống suy dinh dưỡng đối với trẻ em dưới 5 tuổi	Các xã: Ba Vì, Minh Quang, Khánh Thượng, Yên Bài, Vân Hòa, Tân Lĩnh, Ba Trại	512	512	UBND huyện Ba Vì	

4	Tổ chức hoạt động nâng cao chất lượng y tế cho trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng tại 7 xã miền núi	Các xã: Ba Vì, Minh Quang, Khánh Thượng, Yên Bài, Văn Hòa, Tân Lĩnh, Ba Trại	13,000	13,000	UBND huyện Ba Vì	
10	Chính sách đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác y tế xã Phú Mãn	Xã Phú Mãn	100	100	UBND huyện Quốc Oai	
11	Tuyên truyền công tác y tế, vệ sinh, phòng chống dịch xã Phú Mãn	Xã Phú Mãn	50	50	UBND huyện Quốc Oai	
VI	Nội dung 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em, gồm các công trình, dự án:		6,200	6,200		
1	Đề án hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2019-2025 (Theo Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 12/01/2019 của UBND Thành phố).	Các xã vùng DTTS và miền núi thuộc 5 huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Mỹ Đức, Chương Mỹ	3,100	3,100	Ban Dân tộc Thành phố	
2	Đề án: Tuyên truyền nâng cao nhận thức bình đẳng giới và kiến thức pháp luật cho phụ nữ người dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025	14 xã DTTS thuộc 5 huyện: Ba Vì, Thạch Thất, Quốc Oai, Mỹ Đức, Chương Mỹ	1,200	1,200	Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố	
*	Các Dự án do các huyện chủ trì		1,900	1,900		
1	Đào tạo bồi dưỡng cho cán bộ nữ vùng dân tộc thiểu số	7 xã miền núi	1,400	1,400	UBND huyện Ba Vì	
2	Tổ chức dạy nghề phụ cho phụ nữ	Xã An Phú	500	500	UBND huyện Mỹ Đức	
VII	Nội dung 9: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, gồm các công trình, dự án:		43,526	43,526		
1	Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc của thành phố Hà Nội	12 Nguyễn Trãi, Hà Đông	14,910	14,910	Ban Dân tộc Thành phố	
2	Nâng cấp trang thông tin điện tử Ban Dân tộc Thành phố	12 Nguyễn Trãi, Hà Đông	113	113	Ban Dân tộc Thành phố	
3	Nâng cấp phần mềm hệ chương trình quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp	12 Nguyễn Trãi, Hà Đông	100	100	Ban Dân tộc Thành phố	

4	Đánh giá, giải pháp xử lý an toàn thôn tin, an toàn an ninh mạng	12 Nguyễn Trãi, Hà Đông	393	393	Ban Dân tộc Thành phố	
5	An toàn thông tin, an toàn an ninh mạng và cơ sở dữ liệu theo mô hình 4 lớp	12 Nguyễn Trãi, Hà Đông	477	477	Ban Dân tộc Thành phố	
6	Chương trình phối hợp tuyên truyền về công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc với các cơ quan Đài, Báo	12 Nguyễn Trãi, Hà Đông	1,500	1,500	Ban Dân tộc Thành phố	
7	Xây dựng, phát hành Bản tin Dân tộc	12 Nguyễn Trãi, Hà Đông	1,238	1,238	Ban Dân tộc Thành phố	
8	Chương trình Tập huấn kiến thức tuyên truyền pháp luật PT Kinh tế xã hội cho cán bộ và đồng bào DTTS tiêu biểu trên địa bàn thành phố Hà Nội	12 Nguyễn Trãi, Hà Đông	3,868	3,868	Ban Dân tộc Thành phố	
9	Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật theo chương trình, đề án, Kế hoạch của UBND Thành phố	12 Nguyễn Trãi, Hà Đông	4,637	4,637	Ban Dân tộc Thành phố	Sở Tư pháp tổng hợp đề xuất kinh phí hàng năm
*	Các Dự án do các huyện chủ trì		16,290	16,290		
10	Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thông tin tuyên truyền	7 xã miền núi	8,090	8,090	UBND huyện Ba Vì	
11	Đề án "Tập huấn, tuyên truyền PBGDPL nhằm nâng cao kiến thức, kỹ thuật trong phát triển kinh tế và nâng cao dân trí, nhận thức pháp luật cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số xã An Phú, huyện Mỹ Đức, giai đoạn 2021-2025"	Xã An Phú	3,000	3,000	UBND huyện Mỹ Đức	
12	Xây dựng các trạm loa phát thanh thôn	Xã An Phú	1,200	1,200	UBND huyện Mỹ Đức	
13	Nâng cấp cải tạo hệ thống Đài TT xã An Phú	Xã An Phú	800	800	UBND huyện Mỹ Đức	
14	Hạ tầng Hệ thống truyền thanh xã Phú Mãn	Xã Phú Mãn	3,200	3,200	UBND huyện Quốc Oai	

H